

## MỤC LỤC

### KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

- 1. Nguyễn Thu Thủy, Nguyễn Việt Dũng và Tạ Thúy Quỳnh** - Áp dụng mô hình ARDL nghiên cứu tác động của các chỉ số giá đến thị trường chứng khoán Việt Nam. **Mã số: 143.1FiBa.11** 2  
*Application of ARDL model for studying the impact of price indicators on the Vietnamese stock market*
- 2. Đỗ Thị Vân Trang, Đinh Hồng Linh và Lê Thùy Linh** - Ứng dụng mô hình ARDL nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam. **Mã số: 143.1TrEM.11** 11  
*Determinants of Foreign Direct Investment In Vietnam: ARDL Model*
- 3. Vũ Văn Hùng và Hồ Kim Hương** - Nghiên cứu tác động của chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với thu nhập của hộ gia đình ở nông thôn Việt Nam. **Mã số: 143.1DEco.12** 19  
*A Study on the Impact of Vocational Training Policies on Household's Income in Vietnam's Rural Areas*
- 4. Võ Thị Ánh Nguyệt và Nguyễn Hoàng Minh Trí** - Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chi tiêu hộ gia đình ở Đồng bằng Sông Cửu Long. **Mã số: 143.1DEco.11** 31  
*An Analysis of the Factors Affecting Household Spending in Mekong Delta*

### QUẢN TRỊ KINH DOANH

- 5. Nguyễn Quốc Thịnh, Khúc Đại Long và Nguyễn Thu Hương** - Quản trị tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp Việt Nam - động lực cho sự khác biệt hóa. **Mã số: 143.2BAdm.22** 38  
*Intellectual Property Management in Vietnamese Businesses - Motivation for Diversification*
- 6. Đặng Thị Thu Trang và Trương Thị Hiếu Hạnh** - Ảnh hưởng của chất lượng tích hợp kênh lên sự gắn kết của người tiêu dùng trong bán lẻ đa kênh tại Việt Nam. **Mã số: 143.2BMkt.21** 45  
*The Influence of Channel Integration Quality on Customer Engagement in Multi-channel Retail in Vietnam*
- 7. Lê Công Thuận và Bùi Thị Thanh** - Phong cách lãnh đạo ủy quyền và sự tham gia vào quá trình sáng tạo của cấp dưới. **Mã số: 143.2HRMg.21** 54  
*Empowering leadership and followers' creative process engagement*
- 8. Nguyễn Chí Đức** - Nghiên cứu hành vi tín nhiệm dựa trên lý thuyết trò chơi. **Mã số: 143.2BAdm.21** 61  
*Game analysis of credit behavior*
- 9. Trịnh Thùy Anh, Lý Thanh Duy và Nguyễn Phạm Kiến Minh** - Sự tác động của nhận dạng tổ chức, nhận dạng nhân viên - khách hàng và định hướng khách hàng đến sự gắn kết của nhân viên tại các công ty truyền thông trên địa bàn TP.HCM. **Mã số: 143.2HRMg.21** 67  
*The Impact of Organization Identity, Staff-Customer Identity, and Customer Orientation on Staff Commitment at Communication Companies in Hochiminh City*

### Ý KIẾN TRAO ĐỔI

- 10. Phan Thị Thu Hiền, Phạm Thị Cẩm Anh và Trần Bích Ngọc** - Những điểm mới của bộ quy tắc Incoterms 2020 và hàm ý áp dụng trong mua bán hàng hóa quốc tế. **Mã số: 143.3IBMg.32** 76  
*New Points in Incoterms 2020 and Implications in International Goods Trading*
- 11. Nguyễn Ngọc Mai và Nguyễn Thị Minh Thảo** - Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng ứng dụng gọi xe: Trường hợp nghiên cứu tỉnh Bình Dương. **Mã số: 143.3BMkt.31** 82  
*Factors Affecting the Intention to Use Vehicle Booking Apps: a Case Study in Bình Dương Province*

# PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHI TIÊU HỘ GIA ĐÌNH Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

**Võ Thị Ánh Nguyệt**  
Trường Đại học Cần Thơ  
Email: vtanguyet@ctu.edu.vn  
**Nguyễn Hoàng Minh Trí**  
VinFast Chevrolet Cần Thơ  
Email: nhmt98@gmail.com

Ngày nhận: 07/01/2020

Ngày nhận lại: 27/02/2020

Ngày duyệt đăng: 02/03/2020

**N**ghiên cứu nhằm xác định những tác động của các nhân tố đến mức chi tiêu của người dân Đồng bằng sông Cửu Long. Nghiên cứu sử dụng bộ dữ liệu “Cuộc điều tra dân số Việt Nam” (VHLSS) năm 2016 và số liệu từ Niên giám thống kê 2016, 2017, 2018. Mô hình hồi quy bội với phương pháp bình phương nhỏ nhất OLS và mô hình hồi quy phân vị được áp dụng để xây dựng mô hình kinh tế lượng, ước lượng mức tác động của các biến độc lập và so sánh mức tác động giữa các mô hình với nhau. Kết quả nghiên cứu cho thấy các biến ở mô hình hồi quy phân vị có hệ số gần tương đồng với nhau và gần với OLS như biến thu nhập, tuổi, tổng số thành viên của hộ và khu vực trong khi mức ý nghĩa ở một số biến còn lại có sự khác nhau. Nghiên cứu chỉ ra rằng hộ gia đình cần tăng thu nhập kích thích chi tiêu hàng hóa dịch vụ nhằm tăng tổng cầu kích thích sự tăng trưởng kinh tế. Ngoài ra chính quyền địa phương cần hỗ trợ vay vốn giúp hộ gia đình tăng khả năng sản xuất, đẩy mạnh tham gia các hoạt động nông nghiệp đẩy mạnh gia tăng chi tiêu.

**Từ khóa:** Chi tiêu hộ gia đình, hồi quy phân vị, phương pháp bình phương bé nhất OLS.

## 1. Giới thiệu

### 1.1. Lý do chọn đề tài

Tổng giá trị sản phẩm quốc nội (GDP) được tính theo phương pháp chi tiêu bao gồm chi tiêu hộ gia đình, đầu tư doanh nghiệp, chi tiêu chính phủ và cân cán thương mại (Keynes, 1936); từ đó có thể thấy chi tiêu hộ gia đình đóng vai trò quan trọng góp phần thúc đẩy giá trị sản phẩm GDP khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng và cả nước nói chung. Thầy được tầm quan trọng đó nên rất nhiều nghiên cứu cả trong và ngoài nước đã nghiên cứu về các nhân tố tác động đến chi tiêu hộ gia đình bao gồm T. J. Sekhampu và F. Niyimbanira (2013), E. A. Ojoko và G. B. Ubugadu (2016), Ebru Cagalayan và Melek Astar (2012); Nguyễn Hữu Dũng và Nguyễn Ngọc Thuyết (2015), Nguyễn Thị Minh và cộng sự (2015)... Theo Tổng cục Thống kê năm 2016, chi tiêu bình quân đầu người tại Đồng bằng sông Cửu Long là 1.870.000 VNĐ đứng thứ 3 cả nước và mức tăng gấp 2,6 lần so với năm 2008. Người dân chi cho ăn uống là chủ yếu chiếm 47,6 % năm 2016. Bên cạnh sự phát triển kinh tế giúp thúc đẩy người dân nâng cao mức sống, tăng chi tiêu, còn rất nhiều nhân tố khác (nhân khẩu học, tập quán, văn hóa...) ảnh hưởng không nhỏ đến mức chi tiêu và hành vi tiêu dùng của những hộ gia đình tại Đồng bằng sông Cửu Long. Như vậy, chi tiêu hộ gia đình là một trong bốn yếu tố của tổng cầu (Keynes, 1936), góp phần làm gia tăng GDP, đóng vai trò

quan trọng trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Do đó nghiên cứu “Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chi tiêu hộ gia đình ở Đồng bằng sông Cửu Long” giúp xác định và tìm hiểu những tác động của các nhân tố đến mức chi tiêu của người dân nhằm đề xuất các giải pháp gia tăng chi tiêu hộ gia đình kích cầu kinh tế góp phần đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

### 1.2. Mục tiêu nghiên cứu

Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến mức tiêu dùng hộ gia đình ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nhằm đưa ra kiến nghị giúp gia tăng chi tiêu kích thích tăng trưởng kinh tế.

### 1.3. Phạm vi nghiên cứu

Bài viết nghiên cứu mức chi tiêu hộ gia đình tại Đồng bằng sông Cửu Long năm 2016 theo dữ liệu thu thập từ cuộc khảo sát mức sống tại Việt Nam (VHLSS) do tổng cục thống kê thực hiện, phương pháp thống kê mô tả, hồi quy bội và hồi quy phân vị được sử dụng trong nghiên cứu.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Tổng quan nghiên cứu

Neelesh Gounder (2012) sử dụng dữ liệu của 5.215 hộ gia đình được khảo sát để phân tích với mô hình hồi quy đa biến và hồi quy probit để giải thích yếu tố quyết định của hộ gia đình tiêu dùng và nghèo đói ở Fiji. Vũ Triều Minh (1997), T. J. Sekhampu và F. Niyimbanira (2013), E. Arapova (2018) sử dụng mô hình hồi quy bội để phân tích

giúp xác định được nhân tố ảnh hưởng và đo lường mức độ tác động đến biến phụ thuộc. ). Theo T. J. Sekhampu và F. Niyimbanira (2013) số nhân khẩu, số người có việc làm, trình độ học vấn giúp góp phần nâng cao thu nhập thông qua đó thúc đẩy chi tiêu tăng từ 10-20%, hôn nhân giúp các cặp đôi chi tiêu hiệu quả hơn; mặc dù có sự khác nhau về sở thích ăn uống và chi tiêu giữa người ở những nhóm tuổi và giới khác nhau nhưng kết quả cho thấy giới tính và tuổi tác không ảnh hưởng lớn đến sự thay đổi chi tiêu. E. Caglayan và M. Astar (2012) sử dụng mô hình hồi quy phân vị để khảo sát mức tác động của các nhân tố (giáo dục, tuổi, tình trạng hôn nhân chủ hộ) đối với tiêu dùng ở những mức thu nhập khác nhau dựa vào kết quả khảo sát từ Viện thống kê Thổ Nhĩ Kỳ (TurkStat) năm 2009; tương tự K. Sotsha và cộng sự (2019) dựa các nhân tố vào mô hình hồi quy phân vị ở các cấp độ khác nhau để xem xét ảnh hưởng của các yếu tố đến mức chi tiêu cho ăn uống của các hộ ở vùng nông thôn tại tỉnh Đông Cape thuộc Nam Phi. Kết quả cho thấy có mối quan hệ giữa chi tiêu cho thực phẩm với giới tính, giáo dục, nghề nghiệp, thu nhập hộ, số người phụ thuộc, giới tính và số vật nuôi bán mỗi năm. Nguyễn Thị Minh và cộng sự (2015) với kết quả nghiên cứu phân ứng trong hành vi tiết kiệm và cơ cấu chi tiêu hộ gia đình Việt Nam khi có sốc vĩ mô về thu nhập cho thấy phần lớn chi tiêu của người dân Việt Nam đều chỉ tập trung vào ăn uống mà chưa chú ý nhiều đến về vấn đề sức khỏe và giáo dục. Tỷ lệ tiết kiệm còn có sự chênh lệch giữa những hộ có thu nhập khác nhau, những nhóm có thu nhập cao nhất có tỷ lệ tiết kiệm gấp 2 lần so với những nhóm có thu nhập thấp nhất. Ngoài ra, nghiên cứu Frank Adusah Poku & Kenji Takeuchi (2019) cũng chỉ ra rằng hộ gia đình ở khu vực thành thị có mức chi tiêu hàng ngày cho năng lượng cao hơn so với hộ gia đình sống tại khu vực nông thôn. Tuy nhiên, các nghiên cứu trên chưa làm rõ vai trò của việc sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình có tác động như thế nào do đa số hộ gia đình ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đều hoạt động chủ yếu dựa vào nông nghiệp. Do đó ở nghiên cứu này tác giả sử dụng kết hợp đánh giá mức độ tác động chi tiêu hộ gia đình ở Việt Nam thông qua mô hình hồi quy bội và mô hình hồi quy phân vị nhằm có sự so sánh 2 kết quả giữa 2 mô hình và đưa ra những đề xuất hợp lý hơn.

### 2.2. Phương pháp thu thập số liệu

- Số liệu thứ cấp được thu thập từ cuộc khảo sát mức sống tại Việt Nam (VHLSS) từ năm 2010 đến 2016 do Tổng cục thống kê thực hiện.

- Thống kê mô tả: đo lường và trình bày số liệu với các tiêu chí về trung bình, phương sai, độ lệch chuẩn; phân chia các hộ thành 5 nhóm tăng dần về chi tiêu để so sánh về sự phân phối giá trị của các biến.

- Phân tích hồi quy với mô hình hồi quy đa biến OLS và hồi quy phân vị, so sánh kết quả 2 mô hình hồi quy nhằm xác định các yếu tố tác động đến chi tiêu của người dân đồng bằng sông Cửu Long và mức độ tác động của các yếu tố đó.

### 2.3. Mô hình hồi quy phân vị

Phương pháp hồi quy phân vị nhằm xác định giá trị trung bình có điều kiện của biến phụ thuộc Y, giá trị của các biến giải thích xi với E (Y/xi) ở mọi phân vị của hàm phân bố có điều kiện (Koenker và Hallock, 2001). Tương tự như mô hình hồi quy bội, mô hình hồi quy phân vị dựa vào các giá trị kiểm định và hệ số để đánh giá tác động các biến độc lập đến biến phụ thuộc. Nhưng trong khi mô hình hồi quy bội chỉ xét các mối quan hệ theo trung bình của xã hội thì mô hình hồi quy phân vị xét phân ra các mức chi tiêu khác nhau từ thấp đến cao (theo mức chia của tác giả) để xét mối quan hệ và so sánh giữa các mức với nhau. Các mẫu quan sát được phân nhóm dựa vào mức chi tiêu tăng dần. Tác động của mỗi yếu tố được đánh giá dựa vào tỷ trọng trong mức chi tiêu của các nhóm chi tiêu. Mỗi nhân tố được đánh giá thông qua sự so sánh mức chi tiêu của các nhóm với nhau. Kết quả mô hình hồi quy bội được so sánh với kết quả từ mô hình hồi quy phân vị nhằm so sánh tác động tại các mức chi tiêu khác nhau. Trong nghiên cứu của E. Caglayan và M. Astar (2012) các phân vị của chi tiêu được chia làm 10 phần (mỗi phần chiếm 10% đều như nhau) để so sánh với nhau. Nếu chia quá nhiều mức phân vị như trên mô hình sẽ dài và khó so sánh với OLS nên bài nghiên cứu sử dụng 3 mức phân vị 25%, 50%, 75% tương tự mức phân chia nghiên cứu của K. Sotsha và cộng sự (2019). Từ mức 25% trở xuống đại diện cho các hộ có mức chi tiêu thấp nhất và mức 75% đại diện cho các hộ có mức chi tiêu cao nhất trong cuộc điều tra.

Mô hình cụ thể trong nghiên cứu với các biến được xét đến:

$$\text{chitieu} = \beta_0 + \beta_1\text{thunhap} + \beta_2\text{gioitinh} + \beta_3\text{tuoi} + \beta_4\text{dantoc} + \beta_5\text{bangcap} + \beta_6\text{covieclam} + \beta_7\text{tsnguai} + \beta_8\text{socovieclam} + \beta_9\text{soduoi18} + \beta_{10}\text{khuvuc} + \beta_{11}\text{sddatmn} + \beta_{12}\text{vayvon} + \varepsilon$$

## 3. Kết quả và thảo luận

### 3.1. Đặc điểm hộ gia đình ở Đồng bằng sông Cửu Long

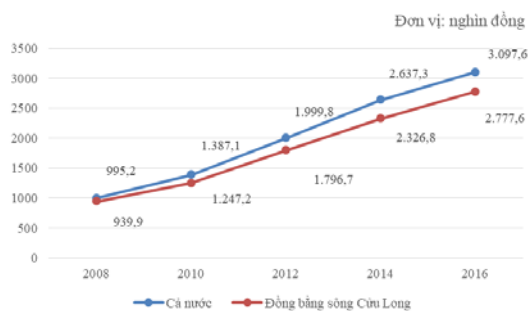
#### Thu nhập

Người dân tại đồng bằng sông Cửu Long hoạt động trong lĩnh vực phi nông nghiệp (54,2%) nhiều hơn so với lĩnh vực nông nghiệp (45,7%) dù nông nghiệp là thế mạnh của vùng cho thấy đã có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế so với trước đây (TCTK, 2016). Hơn một nửa dân cư (60,5%) chọn tự làm ăn kinh doanh trong khi số còn lại đi làm thuê. Theo

**Bảng 1:** Bảng diễn giải biến và kỳ vọng

Biến số	Diễn giải biến	Cơ sở dùng biến	Kỳ vọng
Thunhap	Nhận giá trị tương ứng với DSF NHGi tổng thu nhập của hộ gia đình (vnd)	T. J. Sekhampu và F. Niyimbanira (2013)	+
Gioitinh	Biến giả, nhận giá trị là 1 nếu chủ hộ là nam và nhận giá trị là 0 nếu chủ hộ là nữ.	Vũ Triều Minh (1997), T. J. Sekhampu và F. Niyimbanira (2013), E. A. Ojoko và G.B. Ubugadu (2016)	-
Tuoi	Nhận giá trị tương ứng với số tuổi của chủ hộ (năm).	Vũ Triều Minh (1997), T. J. Sekhampu và F. Niyimbanira (2013), E. A. Ojoko và G.B. Ubugadu (2016)	±
Dantoc	Biến giả, nhận giá trị là 1 nếu chủ hộ là người dân tộc kinh và nhận giá trị là 0 nếu chủ hộ không phải là người dân tộc kinh.	Neelesh Gounder (2012)	±
Bangcap	Nhận giá trị tương ứng với cấp học cao nhất của chủ hộ từ không học đến tiến sĩ.	T. J. Sekhampu và F. Niyimbanira (2013), E. A. Ojoko và G.B. Ubugadu (2016)	+
Covieclam	Biến giả, nhận giá trị là 1 nếu chủ hộ đang có việc làm và nhận giá trị là 0 nếu chủ hộ không có việc làm		+
Tsnguai	Nhận giá trị tương ứng với số thành viên trong hộ (người).	Vũ Triều Minh (1997), T. J. Sekhampu và F. Niyimbanira (2013), E. A. Ojoko và G.B. Ubugadu (2016)	+
soduoi18	Nhận giá trị tương ứng với số thành viên dưới 18 tuổi trong hộ (người).	Vũ Quang Huy (2010), E. A. Ojoko và G.B. Ubugadu (2016)	+
Socovieclam	Nhận giá trị tương ứng với số thành viên có việc làm trong hộ (người).	Ekaterina Arapova (2018), T. J. Sekhampu và F. Niyimbanira (2013)	+
Sddatnn	Biến giả, nhận giá trị là 1 nếu chủ hộ có sử dụng đất nông nghiệp và nhận giá trị là 0 nếu chủ hộ không sử dụng đất nông nghiệp.	Vũ Triều Minh (1997)	±
Vayvon	Biến giả, nhận giá trị là 1 nếu hộ vay vốn và nhận giá trị là 0 nếu hộ không có vay vốn.	Bùi Văn Trịnh và Nguyễn Thị Thuý Phương (2014).	+
Khuvuc	Biến giả, nhận giá trị là 1 nếu hộ ở thành thị và nhận giá trị là 0 nếu hộ không ở thành thị.	Vũ Triều Minh (1997) Frank Adusah Poku & Kenji Takeuchi (2019)	+
Chitieu	Nhận giá trị tương ứng với tổng số chi tiêu của hộ (vnd).	Vũ Triều Minh (1997), Ekaterina Arapova (2018), T. J. Sekhampu và F. Niyimbanira (2013), Neelesh Gounder (2012), E. A. Ojoko và G.B. Ubugadu (2016)	

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)



(Nguồn: VHLSS, 2016)

**Hình 1:** Biểu đồ thu nhập bình quân đầu người 1 tháng của đồng bằng sông Cửu Long và cả nước năm 2008 - 2016

hình 1, mức thu nhập bình quân đầu người tại đồng bằng sông Cửu Long luôn thấp hơn mức thu nhập

bình quân cả nước và có xu hướng ngày càng thấp hơn. Tại Đồng bằng sông Cửu Long, mức chênh lệch thu nhập giữa các nhóm thu nhập đều thấp hơn mức chênh lệch của cả nước (TCTK, 2016). Tuy nhiên, mức chênh lệch giữa nhóm 5 sọ với các nhóm còn lại vẫn rất cao. Mức chênh lệch giữa nhóm có thu nhập cao nhất và nhóm có thu nhập thấp nhất đến 7,8 lần. Theo bảng 2, tiền lương và tiền công đóng góp nhiều nhất vào cơ cấu thu nhập trung bình của mỗi nhân khẩu, tự làm nông nghiệp và tự làm dịch vụ cũng đóng góp một phần lớn vào cơ cấu thu nhập.

**Chi tiêu (hình 2)**

Từ 2008 đến 2016 mức chi tiêu của các hộ dân Đồng bằng sông Cửu Long tăng gần gấp 3 lần do các biến động từ cuộc khủng hoảng kinh tế đầy giá cả hàng hóa lên cao khiến chi phí sinh hoạt ngày càng đắt đỏ. Do mức thu nhập bình quân

**Bảng 2:** Thu nhập bình quân nhân khẩu 1 tháng chia theo nguồn thu của Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước năm 2016

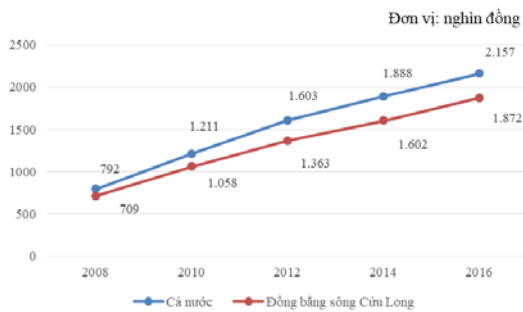
Đơn vị: nghìn đồng

Biến	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
Chi tiêu (nghìn đồng/năm)	65.809,570	41.991,310	4.137	603.981
Thu nhập (nghìn đồng/năm)	123.351,100	156.250,700	2.765	4.654.600
Bảng cấp	1,388	1,867	0	12
Tuổi	52,679	13,229	17	96
Tổng số người	3,777	1,528	1	10
Số người dưới 18 tuổi	1,037	0,973	0	6
Số người có việc làm	2,219	1,067	0	6

(Nguồn: VHLSS, 2016)

đầu người thấp hơn trung bình cả nước (hình 1) nên mức chi tiêu bình quân đầu người của người dân Đồng bằng sông Cửu Long cũng thấp hơn mức chi tiêu bình quân đầu người cả nước (hình 2) và đứng

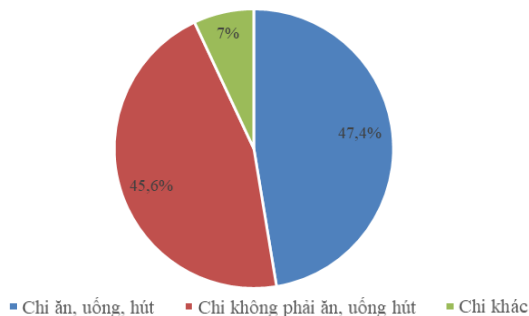




(Nguồn: VHLSS, 2016)

**Hình 2:** Mức chi tiêu bình quân nhân khẩu 1 tháng của cả nước và Đồng bằng sông Cửu Long

thứ 3 sau Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng. Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu là vùng nông thôn nên chi phí sinh hoạt có phần thấp hơn so với những vùng công nghiệp và các thành phố lớn. Đây cũng là nơi cung cấp lúa gạo và nông sản lớn nhất cả nước nên giá cả lương thực, thực phẩm không bị đội lên cao. Chi tiêu cho đời sống chiếm đa số (93%) bao gồm chi ăn, uống, hút và các khoản chi về may mặc, nhà ở, điện, nước, thiết bị đồ dùng, y tế, giáo dục, văn hoá thể thao... trong đó, chi cho ăn uống chiếm tỉ trọng có phần cao hơn so với các khoản chi đời sống khác (hình 3). Chênh lệch mức chi tiêu cho đời sống đối với nhóm hộ có thu nhập cao nhất và thấp nhất tại đồng bằng sông Cửu Long năm 2016 thấp hơn cả nước (2,7 lần so với 3,9 lần).



(Nguồn: VHLSS, 2016)

**Hình 3:** Cơ cấu chi tiêu của người dân Đồng bằng sông Cửu Long năm 2016

### 3.2. Thống kê mô tả

Nhìn chung, trong năm 2016 mức chi tiêu bình quân hằng năm của mỗi hộ gia đình tại đồng bằng sông Cửu Long là 65,809 triệu đồng tương đương mức chi tiêu mỗi tháng là 5,845 triệu đồng, thấp hơn so với mức chi tiêu của trung bình cả nước. Mức thu nhập bình quân hằng năm của các hộ là 123,351 triệu đồng. Với mức thu nhập và chi tiêu trên cho thấy các hộ có xu hướng chỉ chi tiêu 58% thu nhập của hộ, 42% còn lại được sử dụng nhằm các mục

đích tiết kiệm, đầu tư và các mục đích khác. Mức thu nhập và chi tiêu của hộ tại Đồng bằng sông Cửu Long chênh lệch rất cao giữa nhóm những người giàu có nhất và nhóm những người nghèo nhất cho thấy sự bất công bằng trong xã hội. Mức chênh lệch về chi tiêu của hộ thấp nhất và cao nhất khoảng 30 lần trong khi mức chênh lệch về thu nhập lên đến gần 1.700 lần. Mức tăng về chi tiêu có hệ số tăng thấp hơn so với mức tăng của thu nhập.

### 3.3. Kết quả mô hình

Sau khi lấy logarit, sự chênh lệch của chi tiêu và thu nhập giữa các hộ đã giảm. Phân phối tiên gần với dạng phân phối chuẩn, giúp hạn chế phương sai sai số thay đổi, giúp ước lượng chính xác hơn.

#### Kết quả mô hình hồi quy đa biến OLS

Mô hình có hiện tượng tương quan thấp với nhau, kiểm định đa cộng tuyến bằng phương pháp phóng đại phương sai nhận thấy các biến có cộng tuyến yếu. Sau cùng, tác giả tiến hành kiểm định phương sai sai số thay đổi bằng phương pháp Bresuch-Pagan với  $p\text{-value}=0.0227 < \alpha=5\%$ : mô hình có xuất hiện phương sai sai số thay đổi nên tiến hành điều chỉnh bằng lệnh robust được kết quả hồi quy như sau:

$$\ln\text{chitieu} = 0,402 \times \ln\text{thunhap} + 0,035 \times \text{gioitinh} - 0,003 \times \text{tuoi} + 0,058 \times \text{dantoc} + 0,023 \times \text{bangcap} - 0,015 \times \text{covieclam} + 0,113 \times \text{tsnguoi} - 0,002 \times \text{socovieclam} - 0,012 \times \text{sođuoi18} + 0,161 \times \text{khuvuc} + 0,054 \times \text{sddatnn} + 0,063 \times \text{vayvon} + 5,955 + \varepsilon$$

Mô hình giải thích được 60,25% mức thay đổi của chi tiêu dựa vào các biến được đưa vào mô hình còn lại 39,75% sự biến thiên của chi tiêu hộ gia đình được giải thích bởi các biến độc lập khác chưa được đưa vào mô hình. Về các đặc điểm của của chủ hộ, biến tuổi và bằng cấp có mức ý nghĩa 1%, dân tộc có mức ý nghĩa cao hơn ở mức 10% và gioitinh không có ý nghĩa thống kê. Về các đặc trưng của hộ, thu nhập, tổng số người trong hộ, khu vực đều có mức ý nghĩa 1%, 2 biến số thành viên có việc làm và số thành viên dưới 18 tuổi không có ý nghĩa thống kê. Hai biến về đặc điểm kinh tế của hộ là sử dụng đất nông nghiệp và vay vốn đều có mức ý nghĩa lần lượt là 5% và 1%. Đa số các biến đưa vào mô hình đều có ý nghĩa thống kê, một số biến chưa

**Bảng 3:** Thống kê mô tả các biến định lượng

Biến	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
Chi tiêu (nghìn đồng/năm)	65.809,570	41.991,310	4.137	603.981
Thu nhập (nghìn đồng/năm)	123.351,100	156.250,700	2.765	4.654.600
Bằng cấp	1,388	1,867	0	12
Tuổi	52,679	13,229	17	96
Tổng số người	3,777	1,528	1	10
Số người dưới 18 tuổi	1,037	0,973	0	6
Số người có việc làm	2,219	1,067	0	6

(Nguồn: Số liệu được tác giả tính toán từ VHLSS 2016)

**Bảng 4:** Kết quả chạy mô hình hồi quy đa biến OLS và hồi quy phân vị

Biến	OLS (Robust)	25%	50%	75%
Inthunhap	0,401*** (0,020)	0,417*** (0,017)	0,434*** (0,017)	0,399*** (0,018)
gioitinh	0,035 (0,022)	0,031 (0,035)	0,044** (0,019)	0,022 (0,022)
tuoi	-0,003*** (0,001)	-0,003*** (0,001)	-0,003*** (0,001)	-0,023*** (0,001)
dantoc	0,058* (0,033)	0,020 (0,045)	0,062** (0,024)	0,067 (0,058)
Bangcap	0,023*** (0,006)	0,018** (0,010)	0,021*** (0,005)	0,025*** (0,005)
covieclam	-0,015 (0,022)	-0,038 (0,024)	-0,031 (0,020)	0,013 (0,025)
tsnguai	0,113*** (0,014)	0,104*** (0,020)	0,099*** (0,013)	0,112*** (0,020)
socovieclam	-0,002 (0,014)	-0,001 (0,022)	0,009 (0,014)	-0,008 (0,016)
soduoi18	-0,012 (0,017)	0,014 (0,026)	-0,010 (0,019)	-0,014 (0,020)
khuvuc	0,161*** (0,025)	0,184*** (0,029)	0,126*** (0,025)	0,183*** (0,034)
sddatnn	0,054** (0,022)	0,053 (0,034)	0,053*** (0,020)	0,063** (0,025)
vayvon	0,063*** (0,021)	0,074** (0,032)	0,045* (0,026)	0,075** (0,031)
Hằng số	5,955 (0,210)	5,600 (0,192)	5,621 (0,193)	6,128 (0,223)

Ghi chú: Mức ý nghĩa: \*  $p < 0,1$ ; \*\*  $p < 0,05$ ; \*\*\*  $p < 0,001$

(Nguồn: Số liệu được tác giả tính toán từ VHLSS 2016)

có ý nghĩa thống kê như biến số người có việc làm và số thành viên dưới 18 tuổi chưa có ý nghĩa thống kê, trong khi kỳ vọng của tác giả sẽ có thể tìm được tác động của các biến này. Kết quả nghiên cứu cho thấy thu nhập có chiều tác động dương đến chi tiêu, điều này phù hợp với lý thuyết Keynes cũng như các nghiên cứu thực nghiệm trước đây Ebru Cagalayan và Melek Astar (2012), Nguyễn Hữu Dũng và Nguyễn Ngọc Thuyết (2015), T. J. Sekhampu và F. Niyimbanira (2013). Thu nhập chính là yếu tố cơ bản, tiên quyết để thúc đẩy gia tăng chi tiêu ở các hộ gia đình. Thu nhập có tăng cao thì các hộ mới có điều kiện để sử dụng nhiều hàng hoá hơn, đầu tư cho bản thân, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Mặc dù tuổi chủ hộ càng cao có thể khiến phát sinh thêm nhiều chi phí như các loại chi phí chăm sóc sức khoẻ nhưng trong mô hình tuổi tác động âm đến chi tiêu. Đây là do chủ hộ càng cao tuổi càng sống đơn giản và truyền thống hơn, ít chi tiêu cho các hoạt động vui chơi giải trí hay các hàng hoá mang tính công nghệ. Tuổi cao còn giúp các

chủ hộ có nhiều kinh nghiệm trong chi tiêu, giúp các khoản chi tiêu của hợp lý hơn, kết quả phù hợp với nghiên cứu Ebru Cagalayan và Melek Astar (2012).

Tại Đồng bằng sông Cửu Long đa số người dân tộc kinh đều sống tại những nơi thành thị, đồng bằng, giao thông thuận lợi. Các dân tộc thiểu số thường sống tập trung tại 1 vùng và ở vùng sâu vùng xa. Người dân tộc thiểu số cũng có mức sống thấp hơn so với người dân tộc kinh. Chính vì thế những hộ gia đình dân tộc Kinh có chi tiêu cao hơn so với các dân tộc khác.

Bằng cấp cao giúp chủ hộ có các công việc với mức thu nhập cao hơn nên mang tác động dương đến chi tiêu theo kỳ vọng ban đầu. Với trình độ cao, chủ hộ có thể tham gia các hoạt động kinh tế cần nhiều trí óc, kiến thức. Những công việc này đem đến mức thu nhập cao hơn những việc chân tay cơ bản. Chủ hộ được xem là trụ cột chính trong một số gia đình nên nguồn thu nhập của chủ hộ ảnh hưởng rất lớn đến nguồn vốn của hộ. Ngoài ra, trình độ cao cộng với môi trường làm việc mở rộng giúp chủ hộ có rất nhiều mối quan hệ và chi phí cho các mối quan hệ với các dịp lễ, đám là một phần không nhỏ trong chi tiêu hộ.

Tổng số người ảnh hưởng trực tiếp đến chi tiêu theo chiều tác động dương. Mỗi thành viên tăng thêm, hộ sẽ phải chi thêm nhiều chi phí về ăn uống, may mặc, y tế, giáo dục... Mặc dù, một vài loại chi phí đầu người có thể giảm như chi phí về ăn uống và nhà ở vì tính dùng chung. Nhưng nhìn chung, tăng thêm thành viên, hộ phải bỏ ra nhiều chi phí để đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển cho thành viên đó.

Khu vực sống có tác động đến chi tiêu của các hộ gia đình ở mức ý nghĩa 1%, đối với những hộ sống tại thành thị sẽ làm tăng mức chi tiêu. Thành thị là nơi tập trung đông dân cư với những nhu cầu và dịch vụ đa dạng, là nơi tập trung đông dân nên giá cả nhà ở và đất cư trú rất cao. Sống và làm việc tại các thành thị giúp các thành viên trong hộ tìm được các cơ hội việc làm với mức thu nhập cao, nâng cao thu nhập chung cho cả hộ. Tuy nhiên, mức sống và chi phí nơi đây cũng rất cao, giá các loại hàng hóa thường cao do cách xa nơi sản xuất, và nhu cầu chi tiêu hàng hoá cao cấp của người dân nơi thành thị. Tổng hợp các yếu tố trên khiến cho việc chọn khu vực sống thành thị có tác động dương đến chi tiêu.

Việc có sử dụng đất nông nghiệp góp phần tăng cho chi tiêu hộ. Các hộ gia đình sinh sống tại các vùng quê thường gắn bó với nông nghiệp là chính. Vì vậy, sở hữu đất nông nghiệp giúp các hộ có diện tích để canh tác đem lại lợi nhuận cao hơn khi phải thuê, mướn của người khác.

Vay vốn giúp các hộ có thêm vốn để đầu tư mở rộng kinh doanh, đem đến hiệu quả kinh tế cả thu nhập cao hơn. Một vài hộ vay vốn để trang trải các chi phí sinh hoạt và mua sắm. Vì vậy, vay vốn có tác động dương đến chi tiêu phù hợp với nghiên cứu Bùi Văn Trịnh và cộng sự (2014).

### *Kết quả mô hình hồi quy phân vị*

Các biến được đưa vào mô hình hồi quy phân vị đã được tác giả kiểm định tự tương quan và đa cộng tuyến, các biến có sự tương quan thấp. Sau khi kiểm tra đa cộng tuyến, giữa các biến có sự cộng tuyến yếu.

Ở mức phân vị 25%, mô hình hồi quy có  $R^2$  là 39,31% và có chiều tác động tương tự như mô hình OLS. Các biến thu nhập, tuổi, tổng số thành viên hộ, khu vực đều có mức ý nghĩa 1% tương tự như mô hình OLS. Biến bằng cấp và vay vốn chỉ có mức ý nghĩa 5%. Các biến giới tính, dân tộc, có việc làm, số người có việc làm, số thành viên dưới 18 tuổi không có ý nghĩa như mô hình OLS. Thu nhập tăng 1% giúp tăng chi tiêu của hộ thêm 0,417%. Chủ hộ tăng thêm 1 tuổi thì chi tiêu chung của hộ giảm 0,3%. Bằng cấp chủ hộ tăng 1 bậc giúp tăng 1,8% chi tiêu. Tăng thêm 1 thành viên trong hộ khiến chi phí tăng thêm 10,4%. Sống ở thành thị với chi phí cao khiến tăng thêm 18,4% chi tiêu. Vay vốn giúp tăng chi tiêu thêm 7,4%. Ngoài ra 2 biến về sử dụng đất nông nghiệp và dân tộc không có ý nghĩa.

Ở mức phân vị 50% với hệ số  $R^2 = 39,13%$ , các biến đều có ý nghĩa và chiều tác động giống mô hình OLS, riêng biến giới tính có ý nghĩa thống kê. Thu nhập giúp tăng 0,434% chi tiêu với mỗi 1% tăng thêm. Nếu chủ hộ là nam mức chi tiêu hộ thêm 4,4%. Tuổi chủ hộ tăng thêm 1 năm vẫn đem đến mức chi tiêu thấp hơn 0,3%. Nếu chủ hộ là dân tộc kinh có mức chi tiêu tăng thêm 6,2%. Mỗi cấp bậc học vấn của chủ hộ tăng thêm 2,1% chi tiêu. Thành viên tăng thêm khiến tăng 9,9% chi tiêu. Thành thị giúp tăng thêm 18,4%. Hộ có sử dụng đất nông nghiệp đem đến 5,3% mức tăng chi tiêu. Chi tiêu tăng thêm 4,5% nếu hộ có vay vốn.

Ở mức phân vị 75%  $R^2$  mang giá trị 37,29%, các biến có ý nghĩa và chiều tác động trong mô hình không khác so với mô hình OLS. Tuy nhiên, biến dân tộc lại không có ý nghĩa thống kê. Thu nhập tăng 1% làm cho chi tiêu tăng 0,399% trong điều kiện các yếu tố khác không đổi. Tuổi chủ hộ tăng thêm 1 năm làm giảm 2,3% chi tiêu. Hộ tăng chi tiêu thêm 2,5% với mỗi mức cao hơn của bằng cấp chủ hộ. Thành viên tăng thêm trong hộ góp phần vào 11,2% tăng thêm của chi tiêu. Thành thị đem đến 18,3% mức chi tiêu cao hơn đối với nông thôn. Hộ có sử dụng đất nông nghiệp có thu nhập cao hơn 6,3% các hộ còn lại. Hộ có tham gia vay vốn khiến chi tiêu tăng thêm 7,5% trong điều kiện các yếu tố khác không đổi.

### *So sánh giữa các mô hình*

Các biến ở mô hình hồi quy phân vị có hệ số gần tương đồng với nhau và gần với OLS trong khi mức ý nghĩa ở một số biến có sự khác nhau. Ở các phân vị 25%, 50%, 75% có các biến thu nhập, tuổi, tổng số người, khu vực có mức ý nghĩa 1% tương tự như mô hình OLS. Biến giới tính chỉ có ý nghĩa 5% ở phân vị 50%. Biến dân tộc có ý nghĩa 1% ở OLS và 5% ở phân vị 50%. Biến bằng cấp tại phân vị 25% có ý nghĩa ở mức 5% trong khi mô hình OLS và 2 mức phân vị còn lại có ý nghĩa ở mức 1%. Sử dụng đất nông nghiệp có mức ý nghĩa 1% ở phân vị 50%, 5% ở OLS và phân vị 75% và không có ý nghĩa ở phân vị 25%. Vay vốn có mức ý nghĩa 1% ở OLS, mức ý nghĩa 5% ở phân vị 25% và 75% và 10% ở phân vị 50%. Các biến khác bao gồm chủ hộ có việc làm, số thành viên dưới 18 tuổi, số thành viên có việc làm đều không có ý nghĩa ở cả 2 mô hình.

Tuy có sự chênh lệch trong hệ số tác động của các biến độc lập trong mô hình nhưng các biến đều có chiều giống nhau và mức độ tác động gần bằng nhau giữa các mô hình. Cụ thể, các biến thu nhập, tuổi, tổng số người, bằng cấp, khu vực, vay vốn đều có tác động cùng chiều ở tất cả các mô hình chính vì thế để nâng cao chi tiêu cần chú trọng tập trung cải thiện các biến này nhằm điều chỉnh chi tiêu phù hợp với chiều tác động của biến. Tác động của các nhân tố tại thành thị và nông thôn khác nhau vì khác biệt trong thu nhập, kết quả mang lại đúng với Ebru Cagalayan và Melek Astar (2012). Việc nâng cao thu nhập là cần thiết đối với tất cả các gia đình nhằm kích thích gia tăng chi tiêu các mặt hàng như yếu phẩm, giáo dục, vui chơi, giải trí nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống phù hợp với nghiên cứu Nguyễn Hữu Dũng và Nguyễn Ngọc Thuyết (2015), T. J. Sekhampu và F. Niyimbanira (2013) và Số lượng thành viên trong hộ ảnh hưởng rất lớn, cứ mỗi người tăng thêm dù một vài chi phí có thể rẻ hơn trên đầu người do tính dùng chung nhưng lại phải tăng thêm nhiều chi phí khác về ăn mặc, giáo dục, giải trí...

Biến sử dụng đất nông nghiệp có tác động cùng chiều đến khả năng chi tiêu của hộ gia đình với mức ý nghĩa 10% ở mô hình OLS, 5% ở phân vị 75% và 1% ở phân vị 50% cho thấy việc hộ gia đình tham gia sản xuất nông nghiệp giúp đa dạng hóa thu nhập giúp tăng chi tiêu hộ gia đình.

### **3. Kết luận và hàm ý chính sách**

Qua 2 mô hình hồi quy bình phương OLS và hồi quy phân vị các yếu tố thu nhập, tuổi, bằng cấp chủ hộ, khu vực, tình trạng vay vốn có tác động rõ rệt đến mức chi tiêu trong khi một số yếu tố như sử dụng đất nông nghiệp, giới tính chủ hộ và dân tộc có tác động ít nhiều ở các mức phân vị khác nhau. Người dân và chính quyền nên có biện pháp thực

hiện đa dạng hóa các nguồn thu nhập, đầu tư kinh doanh để phát triển nguồn vốn, cần khai thác có hiệu quả các nguồn lực và thế mạnh sẵn có của vùng để nâng cao thu nhập. Nâng cao trình độ giáo dục: giáo dục cao hơn giúp đào tạo ra lao động có trình độ và tay nghề cao hơn. Về nhân lực: thực hiện các chính sách khuyến học với các nguồn học bổng hỗ trợ, tìm các thị trường phát triển, có nhu cầu việc làm cao và các nước có nền kinh tế phát triển để xuất khẩu lao động, học hỏi công nghệ, kỹ thuật. Có các chính sách thu hút nhân tài trở về nước sau quá trình học tập, làm việc tại nước ngoài; giúp chuyển giao công nghệ, phát triển sản xuất. Về việc vay vốn: theo kết quả nghiên cứu các hộ có vay vốn đều có mức thu nhập và chi tiêu cao hơn do đó chính quyền địa phương nên có chính sách hỗ trợ người dân tiếp cận với tín dụng vì mô dễ dàng hơn để thoát nghèo và phát triển nguồn vốn. Nên sử dụng vốn vay để đầu tư giúp tăng nguồn vốn tham gia sản xuất nông nghiệp, mở rộng các hoạt động sản xuất khác, nâng cao năng suất, đáp ứng nhanh nhu cầu vốn gia tăng trong thời gian ngắn, giúp thúc đẩy sản xuất. Có kế hoạch sử dụng vốn vay hợp lý và lập kế hoạch chi trả cẩn thận để tránh việc nợ chồng chất gây nhiều ảnh hưởng đến gia đình. Ngoài ra, kế hoạch hóa gia đình cần được giữ vững giúp giảm gánh nặng kinh tế cho các hộ. ♦

#### **Tài liệu tham khảo:**

1. Bùi Văn Trịnh và Nguyễn Thị Thuỳ Phương, 2014, *Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn vay: Trường hợp của hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng*, Tạp chí phát triển và hội nhập số 19 (29) - Tháng 11-12/2014.
2. Nguyễn Thị Minh và cộng sự, 2015, *Phản ứng trong hành vi tiết kiệm và cơ cấu chi tiêu hộ gia đình Việt Nam khi có sốc vĩ mô về thu nhập*, Tạp chí Kinh tế và Phát triển số 220 tháng 10/2015.
3. Vũ Triều Minh, 1997, *Những yếu tố ảnh hưởng đến mức chi tiêu trong hộ gia đình ở Việt Nam*, Xã hội học số 1 (57), 1997.
4. Ekaterina Arapova, 2018, *Determinants of household final consumption expenditures in Asian countries: a panel model, 1991-2015*, Applied Econometrics and International Development Vol, 18-1 (2018).
5. Ebru Cagalayan và Melek Astar, 2012, *A microeconomic analysis of household consumption expenditure determinants for both rural and urban areas in Turkey*, American International Journal of Contemporary Research Vol. 2 No.2; February 2012. I journal of economics and management engineering, Vol. 10, No. 4, 2016.

6. Frank Adusah Poku & Kenji Takeuchi, 2019, *Household energy expenditure in Ghana: A double-hurdle model approach*, World Development Volume 117, May 2019, Pages 266-277.

7. John M. Keynes (1936), *General Theory on Employment, Interest and Money*.

8. Neelesh Gounder, 2012, *The Determinants of Household Consumption and Poverty in Fiji*, Griffith Business School, Griffith University.

9. T. J. Sekhampu và F. Niyimbanira, 2013, *Analysis of the factor influencing household expenditure in a South Africa township*, International Business & Economics Research Journal, 3/2013.

10. Sotsha và cộng sự, 2019, *Socio-Economic Determinants of Rural Household Food Expenditure: A Quantile Regression Analysis*, OIDA International Journal of Sustainable Development 12:02 (2019).

11. Roger Koenker and Kevin F. Hallock, 2001, *Quantile Regression*, Journal of economic perspectives vol. 15, no. 4, pp. (143-156).

#### **Summary**

The study aims to identify the effects of the factors on the expenditure of people who living in the Mekong Delta. This study uses the Vietnam Household Living Standard Survey in 2016 (VHLSS) and data from the statistical yearbook 2016, 2017 and 2018. Multiple regression models with the ordinary least squares (OLS) and percentile regression model are used to construct econometric models, estimate the impact of variables as well as compare the difference of these models. The research results show that the variables in the percentile regression model and OLS model have similar coefficients including income, age, total number of members of the household and region while others have a different level significant. Research shows that households need to increase their income aimed to stimulate spending for goods and services; such thing will increase aggregate demand and stimulate economic growth. Moreover, local governments should support program help households can approach credits that increase production capacity, promote participating in agricultural activities aimed to increase household expenditure.